TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2017/DSST
Ngày: 01-12-2017
"*V/v tranh chấp hợp đồng thi công"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Minh Tùng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hải;
2. Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thủy Tiên- Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 01-12-2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 233/2017/TLST - DS ngày 27-6-2017, về vụ án "*Tranh chấp hợp đồng thi công"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 106/2017/QĐST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần Đầu tư G.

Trụ sở: Số 24, Đường 24, Phường 11, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần Đầu tư G: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 24, Đường 24, Phường 11, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo pháp luật (chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu H: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp 1, xã Mỹ Trà, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo uỷ quyền (theo Giấy uỷ quyền ngày 17-6-2017).

- Bị đơn:

1) Bà Phạm Thị Thuý H, sinh năm 1976.

2) Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Số 178, Tổ 48, Phường 7, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn theo ủy quyền có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Công ty cổ phần Đầu tư G trình bày: Vào ngày 22-5-2011, Công ty cổ phần Đầu tư G có ký hợp đồng kinh tế về việc xây dựng căn nhà cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thuý H. Căn nhà đã được nghiệm thu và bàn giao cho ông Thành và bà Hường vào tháng 11-2011. Theo thoả thuận, ông T và bà H phải thành toán cho Công ty cổ phần Đầu tư G giá trị thi công còn lại. Sau nhiều

lần hối thúc nhưng vẫn không nhận được việc thanh toán từ ông T và bà H, Công ty cổ phần Đầu tư G đã khởi kiện ông T và bà H tại Toà án nhân dân thành phố C vào tháng 6-2013.

Vào ngày 25-01-2014, sau khi hoà giải việc khởi kiện đòi nợ của Công ty cổ phần Đầu tư G đối với ông T và bà H thì bà H có làm đơn cam kết thanh toán số tiền còn lại là 141.900.000 đồng cho Công ty cổ phần Đầu tư G vào ngày 17-3-2014. Nhưng cho đến ngày 17-4-2014, bà H chỉ thanh toán cho Công ty cổ phần Đầu tư G được số tiền là 50.000.000 đồng. Sau đó, Công ty cổ phần Đầu tư G nhiều lầm hối thúc việc thanh toán tiếp nhưng vẫn không nhận được thành ý thanh toán từ phía ông T và bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm Công ty cổ phần Đầu tư G yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thuý H thanh toán số tiền còn lại cho Công ty cổ phần Đầu tư G là 91.900.000 đồng. Đồng thời, Công ty cổ phần Đầu tư G yêu cầu ông T và bà H trả lãi việc chậm thanh toán cho Công ty cổ phần Đầu tư G số tiền theo lãi suất ngân hàng hiện hành là 7,3%/năm (0,61%/tháng) từ ngày 19-4-2014 đến ngày 01-12-2017 là 42,3 tháng, thành tiền là 23.713.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thúy H vắng mặt không có văn bản ý kiến, không giao nộp chứng cứ.

- Về chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là: 01 Văn bản ghi việc thanh toán nợ của bà Phạm Thị Thuý H với Công ty cổ phần Đầu tư G ngày 25-01-2014 (bản photo); 01 Phiếu thu (tên người nộp tiền Nguyễn Văn T, số tiền 50.000.000 đồng của Công ty cổ phần Đầu tư G (bản photo); 01 Hợp đồng kinh tế số: 01/2011/CL/HĐTC ngày 29-5-2011 giữa Công ty cổ phần Đầu tư G và ông Nguyễn Văn T (bản photo công chứng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì số tiền hai bên tranh chấp là tiền Công ty cổ phần G đầu tư xây nhà cho bị đơn nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng thi công". Tuy nhiên việc thi công đã hoàn tất và đã bàn giao thống nhất nợ thanh toán nên chỉ áp dụng luật dân sự để giải quyết tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền giữa các bên.

[2] Về tố tụng:

- Bị đơn có địa chỉ tại thành phố C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố C theo Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thúy H dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét

xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T, bà H.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm Công ty cổ phần Đầu tư G yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thuý H thanh toán số tiền còn lại cho Công ty cổ phần Đầu tư G là 91.900.000 đồng, tiền trả lãi chậm thanh toán cho Công ty cổ phần Đầu tư Go H số tiền theo lãi suất ngân hàng hiện hành là 7,3%/năm (0,61%/tháng) từ ngày 19-4-2014 đến ngày 01-12-2017 là 42,3 tháng, thành tiền là 23.713.000 đồng là có cơ sở. Bởi vì, Căn cứ vào văn bản ghi nhận việc thanh toán nợ của bà Phạm Thị Thuý H với Công ty cổ phần Đầu tư G ngày 25-01-2014 và 01 Phiếu thu (tên người nộp tiền Nguyễn Văn T, số tiền 50.000.000 đồng của Công ty cổ phần Đầu tư G cho thấy số tiền ông T, bà H còn thiếu Công ty cổ phần G là 91.900.000 đồng. Đồng thời, từ khi phía ông T, bà H thanh toán số tiền 50.000.000 đồng đến không có chứng cứ gì chứng minh là mình đã thanh toán hết số nợ còn thiếu. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Đối với ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thúy H không có văn bản ý kiến nhưng căn cứ vào các nhận định nêu trên thì ông T, bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần G số tiền vốn còn thiếu 91.900.000 đồng và lãi 23.713.000 đồng. Tổng cộng là 115.613.000 đồng là mới phù hợp.

[4] Về lãi suất chậm trả: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ khi thi hành án theo quy định của pháp luật. Xét thấy phù hợp nên tính lãi suất chậm trả theo Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30-12-2016 của Quốc Hội về án phí thì do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật là 5.781.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274; 275 và 280 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Quốc Hội về án phí.

- Chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần G.

- Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Thúy H phải có nghĩa vụ cho thanh toán cho Công ty cổ phần G số tiền vốn còn thiếu 91.900.000 đồng và lãi 23.713.000 đồng. Tổng cộng là 115.613.000 đồng (một trăm mười lăm triệu sáu trăm mười ba ngàn).

* Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

*** Về án phí:**

- Công ty cổ phần G không phải chịu án phí dân sự. Trả lại cho Công ty cổ phần G tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.801.000 đồng theo biên lai thu số 16727 ngày 26-6-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Nguyễn Văn Thành và bà Phạm Thị Thúy H phải chịu số tiền là 5.781.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TPC;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS TPC;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Tùng